

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thống N Sinh năm: 1977.
2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M Sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M vắng mặt, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 08/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thống N trình bày:

Ông N và bà Trần Thị Ngọc M chung sống từ năm 2000 đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường Thủ Thiêm, Quận 2 cấp ngày 18/3/2002. Cuộc sống chung thời kỳ đầu hạnh phúc, khoảng 03 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà M đánh đẽ, đánh bài, gây nợ nần không trả nên nhiều người lạ mặt đến đòi nợ. Ông N đã nhiều lần trả nợ thay cho bà M và khuyên nhủ bà M bỏ cờ bạc để giữ hạnh

phúc gia đình nhưng bà M vẫn không sửa đổi. Ông N và bà M đã sống ly thân khoảng gần 01 năm nay và ông xác định không còn tình cảm với bà M. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông N và bà M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 09/6/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 15/02/2005. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yên N và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, ông N đang làm việc tại Công ty TNHH Thoát nước Đô thị Một thành viên Thành phố với thu nhập trung bình là 8.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Thống N yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc M có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 003, tầng trệt, Lô A6, chung cư Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn là bà Trần Thị Ngọc M tham gia phiên tòa vào ngày 07/8/2020 và ngày 20/8/2020, nhưng bà M vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của ông N là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Thống N, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông N và bà M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường Thủ Thiêm, Quận 2 cấp ngày 18/3/2002. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà M là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3.2] Căn cứ lời trình bày của ông N trong quá trình giải quyết vụ án thì mâu thuẫn giữa ông N và bà M phát sinh khoảng 03 năm nay. Nguyên nhân là do bà M đánh đê, đánh bài, gây nợ nần không trả nên nhiều người lạ mặt đến đòi nợ. Ông N đã nhiều lần trả nợ thay cho bà M và khuyên nhủ bà M bỏ cờ bạc để giữ hạnh phúc gia đình nhưng bà M vẫn không sửa đổi. Ông N và bà M đã sống ly thân khoảng gần 01 năm nay và ông xác định không còn tình cảm với bà M. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà M.

[3.3] Theo kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 tại Phiếu yêu cầu xác minh số 179/PYCXM ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2 thì: *“Theo kết quả xác minh, ông Nguyễn Thống N và bà Trần Thị Ngọc M có xảy ra mâu thuẫn nhưng không có hành vi bạo lực gia đình”*.

[3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị Ngọc M mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà M đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà và ông N. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà M là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của ông N xin ly hôn với bà M là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.5] Về con chung: Ông N và bà M có hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 09/6/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 15/02/2005. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yên N và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập ý kiến của trẻ Nguyễn Thị Yên N và trẻ Như có nguyện vọng được sống chung với ông Nguyễn Thống N. Ông N hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Thoát nước Đô thị Một thành viên Thành phố với thu nhập trung bình là 8.000.000 đồng/tháng và có đủ điều kiện nuôi con chung nên ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, yêu cầu của ông N được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Như và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

[3.6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thống N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Ngọc M không phải chịu án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thống N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thống N được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M.

1.2. Về con chung: Ông N và bà M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 09/6/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/02/2005. Giao con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/02/2005 cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Thống N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027555 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông N đã nộp đủ án phí. Bà M không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Thống N và bà Trần Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi